

## THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index gặp lực cản tại vùng 1,245 – 1,250. Chỉ số lùi về giằng co quanh ngưỡng 1,227 và đóng cửa tại mốc 1,227.79 điểm, giảm gần 14 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí và Hóa chất dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, ngành Tài nguyên cơ bản tăng tốt. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Thị trường đang giằng co khi trở về vùng kháng cự cũ sau đà hồi phục hình chữ V, xu hướng này có thể sẽ kéo dài trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trước các vùng tâm lý này.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

## CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 15/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

## ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-13.65** điểm, đóng cửa tại **1227.79** điểm. HNX-Index **-4.76** điểm, đóng cửa tại **210.24** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.43)**, **VIC (+0.84)**, **HPG (+0.79)**, **GEE (+0.41)**, **HVN (+0.35)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-1.62)**, **BCM (-0.93)**, **TCB (-0.92)**, **FPT (-0.87)**, **BID (-0.83)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,719** tỷ đồng, tăng **1.87%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,173 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 24.46 điểm. Thị trường có **145** mã tăng, 47 mã tham chiếu, **334** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **213.64** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (245.59 tỷ)**, **MWG (175.11 tỷ)**, **VCB (101.49 tỷ)**, **VIC (84.30 tỷ)**, **VCG (67.92 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-94.87** tỷ đồng.

## DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.72%**. Các mã diễn biến tích cực:
  - HPG (+1.97%)** ([Link báo cáo](#))
  - STB (+1.72%)**
  - VCB (+1.18%)**
- BSC50 **-2.26%**. Các mã diễn biến tích cực:
  - HAH (+6.67%)** ([Link báo cáo](#))
  - CTD (+4.58%)** ([Link báo cáo](#))
  - GEX (+3.07%)** ([Link báo cáo](#))

### Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.72%	-2.26%	-1.10%	-1.14%
1 tuần	9.13%	8.03%	8.39%	9.46%
1 tháng	-11.46%	-11.67%	-7.42%	-5.50%
3 tháng	-7.94%	-6.10%	-0.68%	1.01%

### Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,227.79	210.24	91.03
% 1D	-1.10%	-2.21%	-0.80%
GTGD (tỷ VND)	22,719	1,216	606
%1D	1.87%	-17.04%	0.45%
GDNN (tỷ VND)	213.64	-94.87	-20.24

### Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	245.59	VHM	-89.36
MWG	175.11	HCM	-84.40
VCB	101.49	KBC	-75.59
VIC	84.30	GMD	-63.92
VCG	67.92	DGC	-53.44

### Thị trường thế giới

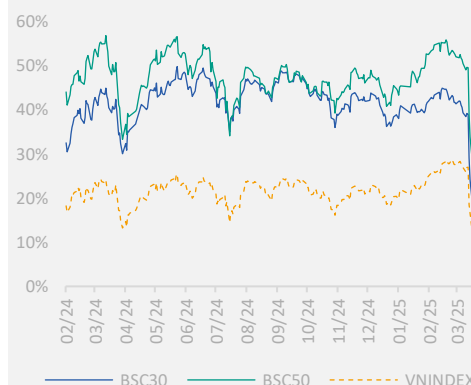
		%D	%W
SPX	5,406	0.79%	6.79%
FTSE100	8,224	1.11%	3.97%
Eurostoxx	4,964	0.75%	3.67%
Shanghai	3,268	0.15%	3.88%
Nikkei	34,268	0.84%	3.85%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
<b>Hàng hóa</b>		
Giá dầu Brent	64.80	-0.03%
Giá vàng	3,228	-0.03%
<b>Tỷ giá</b>		
USD/VND	26,080	0.31%
EUR/VND	30,157	-0.11%
JPY/VND	185	0.00%
<b>Lãi suất</b>		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.00%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

### Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

**THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI**
**VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday**


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1317.00	-0.60%	178	3.5%	9/18/2025	156
VN30F2504	1307.70	-0.71%	275,252	27.6%	4/17/2025	2
VN30F2505	1308.00	-0.91%	9,655	155.7%	5/15/2025	30
VN30F2506	1308.50	-0.98%	286	38.8%	6/19/2025	65

Nguồn: FiinproX, BSC Research

**Nhận định**

- VN30 -15.11 điểm, đóng cửa tại 1310.76 điểm. Biên độ dao động 26.70 điểm. Các cổ phiếu như ACB, TCB, FPT, LPB, VPB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ sau một ngày giao dịch rung lắc quanh vùng 1,315 điểm. Thanh khoản thị trường vẫn duy trì quanh mức MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2506.

**Thị trường chứng quyền có bảo đảm**

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2408	4/28/2025	13	5,594,100	-87.34%	2.10	20	100.0%	7.40	2.14	16.90	16.90
CHPG2407	4/28/2025	13	5,699,600	-87.93%	2.60	130	44.4%	5.81	3.12	25.85	25.85
CHPG2510	2/5/2026	296	9,000	-71.37%	2.90	1,500	37.6%	7.69	7.40	25.85	25.85
CHPG2503	5/26/2025	41	1,197,500	-86.38%	2.70	410	32.3%	11.58	3.52	25.85	25.85
CHPG2509	8/5/2025	112	34,300	-81.62%	2.80	650	30.0%	7.70	4.75	25.85	25.85
CMWG2502	5/26/2025	41	3,307,400	-85.90%	6.00	410	24.2%	10.23	8.05	57.10	57.10
CHPG2402	5/21/2025	36	729,600	-85.94%	2.82	300	20.0%	8.45	3.64	25.85	25.85
CMWG2410	6/30/2025	76	244,500	-85.50%	7.08	120	20.0%	5.01	8.28	57.10	57.10
CMWG2406	7/28/2025	104	1,332,700	-84.17%	6.60	610	19.6%	12.65	9.04	57.10	57.10
CSTB2408	4/28/2025	13	840,500	-83.56%	3.60	680	17.2%	8.71	6.32	38.45	38.45
CHPG2412	6/30/2025	76	621,400	-85.71%	3.13	140	16.7%	5.69	3.69	25.85	25.85
CMWG2501	6/26/2025	72	126,400	-85.03%	6.20	470	14.6%	10.19	8.55	57.10	57.10
CHPG2410	8/14/2025	121	6,200	-78.80%	2.80	670	13.6%	5.77	5.48	25.85	25.85
CVHM2411	6/30/2025	76	49,300	-72.69%	5.06	2,130	11.5%	10.50	15.71	57.50	57.50
CHPG2501	6/26/2025	72	975,500	-82.13%	2.55	690	11.3%	7.77	4.62	25.85	25.85
CHPG2508	10/23/2025	191	900,300	-77.56%	2.70	1,550	10.7%	11.61	5.80	25.85	25.85
CHPG2505	3/26/2026	345	145,800	-73.93%	3.00	1,870	10.7%	11.49	6.74	25.85	25.85
CHPG2504	10/27/2025	195	337,200	-80.27%	2.90	1,100	10.0%	11.51	5.10	25.85	25.85
CVNM2401	5/21/2025	36	613,600	-85.62%	6.33	230	9.5%	6.51	8.10	56.30	56.30
CHPG2506	1/9/2026	269	347,400	-74.70%	2.78	940	9.3%	5.79	6.54	25.85	25.85

**Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất  
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

\*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 15/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2408 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CVIC2407 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.63%.
- CVIC2501, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2404, CVHM2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CFPT2402, CFPT2403, CVIC2503, CVRE2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh  
[anhng@bsc.com.vn](mailto:anhng@bsc.com.vn)
**Top CP tác động tích cực VN30**

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	25.85	1.97%	1.70
STB	38.45	1.72%	1.19
VIC	70.50	1.29%	0.99
MWG	57.10	0.88%	0.56
VCB	60.00	1.18%	0.41

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Top CP tác động tiêu cực VN30**

	Giá	±Giá (%)	Điểm
ACB	24.10	-2.82%	-2.60
TCB	26.00	-2.07%	-2.34
FPT	116.00	-2.11%	-2.20
LPB	33.15	-2.07%	-1.85
VPB	16.90	-2.31%	-1.62

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

## THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	60.00	1.18%	1.43	8.36
VIC	70.50	1.29%	0.84	3.82
HPG	25.85	1.97%	0.79	6.40
GEE	80.20	6.93%	0.41	0.31
HVN	31.90	2.08%	0.35	2.21

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TKU	15.60	9.86%	0.04	0.05
PTI	20.50	2.50%	0.04	0.12
S55	60.70	9.96%	0.04	0.01
PLC	23.50	3.07%	0.04	0.08
AAV	6.00	9.09%	0.02	0.07

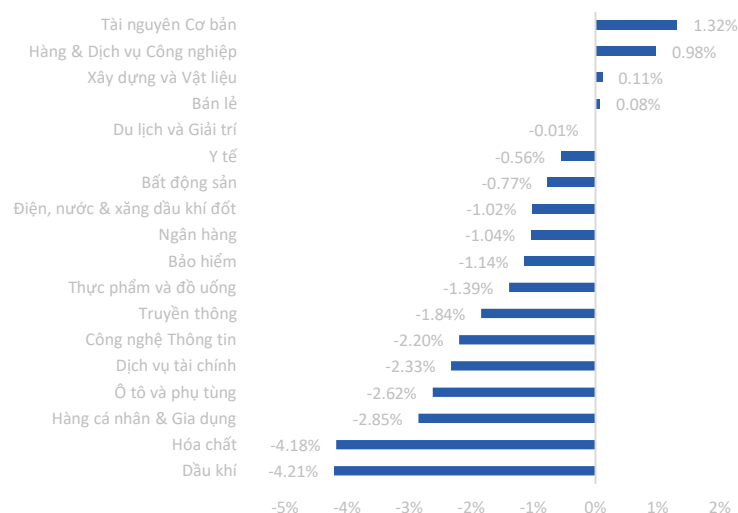
### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GEE	80.20	6.93%	0.41	2.21
HPX	4.05	6.86%	0.02	5.73
CKG	17.25	6.81%	0.03	0.09
TSC	2.83	6.79%	0.01	1.50
FIT	4.41	6.78%	0.02	3.48

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
S55	60.70	9.96%	0.22	0.00
GMX	17.80	9.88%	0.06	0.00
TKU	15.60	9.86%	0.26	0.01
AAV	6.00	9.09%	0.13	1.60
CTB	28.80	6.27%	0.09	0.01

## Hình 1 Diễn biến ngành cấp 2



### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	24.40	-6.87%	-1.62	4.00
BCM	56.50	-6.61%	-0.93	1.04
TCB	26.00	-2.07%	-0.92	7.06
FPT	116.00	-2.11%	-0.87	1.47
BID	36.50	-1.35%	-0.83	7.02

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	215.00	-2.71%	-0.72	0.20
IDC	35.70	-7.75%	-0.56	0.33
PVI	59.60	-3.72%	-0.32	0.23
HUT	13.40	-4.29%	-0.32	0.89
KSF	65.30	-2.25%	-0.27	0.30

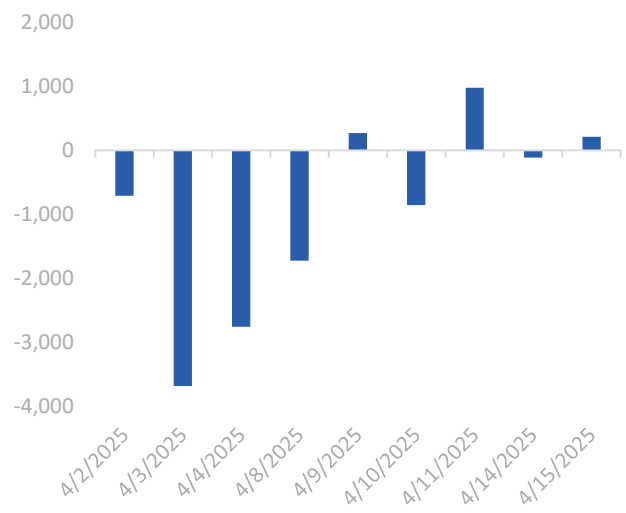
### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VTP	103.90	-6.98%	-0.21	1.43
SIP	64.20	-6.96%	-0.23	1.57
SZC	30.80	-6.95%	-0.09	4.77
KBC	22.10	-6.95%	-0.28	21.80
PHR	45.60	-6.94%	-0.10	1.55

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
AMC	16.70	-9.73%	-0.02	0.00
KDM	12.10	-9.70%	-0.03	0.04
MAS	34.50	-9.21%	-0.05	0.00
NRC	4.00	-9.09%	-0.12	2.39
VE8	3.00	-9.09%	0.00	0.01

## Hình 2 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

## DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	57.1	0.9%	1.6	83,451	729.8	2,544	22.4		46.7%	
KBC	Bất động sản	22.1	-7.0%	1.4	16,964	490.2	498	44.4		17.9%	
KDH	Bất động sản	27.1	-2.7%	1.2	27,351	101.2	863	31.4		36.0%	
PDR	Bất động sản	16.5	-3.8%	1.7	14,407	152.7	191	86.5	23,600	8.4%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	57.5	0.5%	1.1	236,176	1023.6	7,349	7.8	58,200	12.4%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ Thông tin	116.0	-2.1%	1.0	170,644	905.7	5,371	21.6	163,000	42.1%	<a href="#">Link</a>
BSR	Dầu khí	16.0	-4.2%	0.0	49,453	60.7	204	78.4		0.3%	
PVS	Dầu khí	25.0	-3.1%	1.3	11,949	114.5	2,238	11.2	40,300	17.1%	<a href="#">Link</a>
HCM	Dịch vụ tài chính	26.6	-2.6%	1.5	19,151	420.2	1,571	16.9		42.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.3	-3.3%	1.4	45,712	639.7	1,536	15.2		36.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.5	-2.1%	1.3	26,211	315.7	1,537	23.7		29.7%	
DCM	Hóa chất	31.0	0.7%	1.4	16,411	104.7	2,682	11.6	41,100	5.2%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	89.5	0.1%	1.6	33,990	313.6	7,864	11.4	111,400	15.4%	<a href="#">Link</a>
ACB	Ngân hàng	24.1	-2.8%	0.9	107,646	408.9	3,759	6.4	30,400	30.0%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	36.5	-1.4%	1.0	256,280	108.9	3,636	10.0	47,000	17.6%	<a href="#">Link</a>
CTG	Ngân hàng	37.8	-1.4%	1.0	202,717	385.9	4,720	8.0		26.8%	
HDB	Ngân hàng	20.6	-2.1%	1.0	71,823	332.1	3,667	5.6		17.0%	
MBB	Ngân hàng	23.0	-1.9%	1.0	140,352	681.3	3,729	6.2	26,300	22.2%	<a href="#">Link</a>
MSB	Ngân hàng	10.9	-2.3%	1.2	28,210	238.3	2,123	5.1	14,000	27.3%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	38.5	1.7%	1.0	72,487	668.1	5,351	7.2		21.0%	
TCB	Ngân hàng	26.0	-2.1%	1.2	183,686	640.4	3,054	8.5	31,400	22.5%	<a href="#">Link</a>
TPB	Ngân hàng	12.8	-1.9%	1.2	33,817	241.7	2,298	5.6	-	23.8%	<a href="#">Link</a>
VCB	Ngân hàng	60.0	1.2%	0.6	501,341	346.7	4,049	14.8		22.4%	
VIB	Ngân hàng	18.5	-1.6%	1.0	54,965	140.6	2,424	7.6	23,000	5.0%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	16.9	-2.3%	1.0	134,083	333.8	1,989	8.5	25,500	24.6%	<a href="#">Link</a>
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.9	2.0%	1.2	165,343	1303.7	1,879	13.8	37,500	21.6%	<a href="#">Link</a>
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.0	-2.8%	1.4	8,694	91.1	935	15.0	22,700	7.3%	<a href="#">Link</a>
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.9	-1.7%	1.7	8,668	153.2	2,712	9.6	31,000	2.1%	<a href="#">Link</a>
MSN	Thực phẩm và đồ uống	58.5	-2.5%	1.3	84,144	359.7	1,345	43.5		25.0%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.3	-1.1%	0.6	117,664	236.3	4,494	12.5		49.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



**DANH MỤC BSC50**

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.5	-2.90%	1.8	7,342	32.7	2,042	16.4	18.8%	15.9%	<a href="#">Link</a>
FRT	Bán lẻ	148.5	-1.66%	1.3	20,232	74.2	2,331	63.7	31.9%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	44.0	-1.35%	1.2	32,662	45.0	2,843	15.5	26.7%	9.6%	
DIG	Bất động sản	15.7	-4.57%	1.5	9,544	287.2	188	83.3	2.7%	1.5%	
DXG	Bất động sản	14.0	-3.11%	1.5	12,192	165.1	349	40.1	20.9%	2.6%	<a href="#">Link</a>
HDC	Bất động sản	22.0	-6.18%	1.3	3,924	128.9	384	57.3	3.0%	3.1%	
HDG	Bất động sản	22.8	-2.98%	1.4	7,668	46.5	1,036	22.0	19.6%	5.8%	
IDC	Bất động sản	35.7	-7.75%	1.4	11,781	245.8	6,049	5.9	20.4%	37.7%	
NLG	Bất động sản	29.0	-2.03%	1.4	11,167	101.3	1,346	21.6	37.9%	5.4%	<a href="#">Link</a>
SIP	Bất động sản	64.2	-6.96%	0.0	13,516	101.9	5,584	11.5	6.1%	29.6%	
SZC	Bất động sản	30.8	-6.95%	1.3	5,544	150.9	1,809	17.0	2.5%	12.5%	<a href="#">Link</a>
TCH	Bất động sản	16.4	-3.53%	1.5	10,959	151.0	1,466	11.2	8.9%	10.8%	<a href="#">Link</a>
VIC	Bất động sản	70.5	1.29%	1.1	269,568	1121.9	3,069	23.0	9.3%	9.5%	
VRE	Bất động sản	20.3	0.00%	1.0	46,128	391.6	1,802	11.3	19.4%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	32.1	-4.47%	1.1	6,772	38.6	1,478	21.7	36.3%	11.4%	
PLX	Dầu khí	33.6	-3.59%	0.9	42,692	56.1	2,274	14.8	17.5%	11.1%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	17.6	-6.88%	1.1	9,783	133.5	1,255	14.0	8.2%	4.6%	<a href="#">Link</a>
FTS	Dịch vụ tài chính	41.1	-4.53%	1.7	12,558	176.1	1,869	22.0	29.8%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.5	-2.57%	1.7	15,179	128.5	1,583	16.7	7.0%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.2	-1.69%	0.9	136,344	49.3	4,439	13.1	1.7%	16.7%	<a href="#">Link</a>
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.8	0.43%	1.0	27,634	128.1	475	24.9	3.7%	3.5%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.5	-2.82%	1.0	30,851	72.3	4,237	15.5	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	83.3	-2.57%	0.5	45,116	135.4	2,632	31.6	12.7%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.2	3.07%	1.5	21,615	482.8	1,910	13.2	10.7%	12.4%	<a href="#">Link</a>
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.9	-0.97%	1.0	19,287	244.0	4,610	10.0	41.0%	13.9%	<a href="#">Link</a>
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.6	6.67%	1.3	7,482	253.0	4,403	13.1	9.8%	21.9%	<a href="#">Link</a>
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.4	-1.38%	1.2	7,619	54.2	3,071	7.0	12.2%	15.1%	<a href="#">Link</a>
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	103.9	-6.98%	0.0	12,653	150.9	3,146	33.0	6.6%	24.2%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	71.5	-2.99%	1.0	24,160	138.1	6,300	11.4	47.1%	20.1%	<a href="#">Link</a>
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.1	-4.90%	0.8	2,964	62.2	2,710	10.7	49.9%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.0	-4.19%	1.3	1,962	16.1	2,568	6.2	16.7%	17.4%	
DPM	Hóa chất	32.8	-2.24%	1.3	12,816	87.0	1,374	23.8	8.6%	4.8%	<a href="#">Link</a>
GVR	Hóa chất	24.4	-6.87%	1.6	97,600	169.2	997	24.5	0.8%	7.8%	
EIB	Ngân hàng	18.3	-0.54%	1.1	33,995	171.0	1,786	10.2	3.7%	14.0%	<a href="#">Link</a>
LPB	Ngân hàng	33.2	-2.07%	0.6	99,028	132.1	3,254	10.2	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.0	-2.45%	0.0	21,892	81.8	2,702	5.9	1.8%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	10.6	-0.94%	1.1	26,014	21.7	1,287	8.2	19.4%	10.5%	<a href="#">Link</a>
NKG	Tài nguyên Cơ bản	11.8	-4.07%	1.5	5,281	103.1	1,358	8.7	5.4%	8.0%	<a href="#">Link</a>
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.2	0.66%	1.6	4,047	36.8	180	84.6	0.7%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.5	-0.79%	0.8	9,577	160.3	1,527	20.6	4.4%	13.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.7	-1.62%	1.2	62,461	113.1	3,376	14.4	59.5%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.8	-4.96%	1.3	11,178	75.4	5,463	9.1	24.3%	14.4%	<a href="#">Link</a>
BMP	Xây dựng và Vật liệu	124.0	-0.64%	1.2	10,151	44.2	12,103	10.3	83.3%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	77.6	4.58%	1.6	7,755	171.5	3,734	20.8	49.0%	4.4%	<a href="#">Link</a>
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.8	-3.68%	1.2	9,586	51.8	4,705	17.8	8.1%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	47.8	-1.44%	1.5	3,011	22.4	3,553	13.5	7.6%	11.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.8	1.29%	1.5	5,101	153.0	987	12.0	6.9%	4.8%	<a href="#">Link</a>
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.4	-0.47%	1.3	7,654	32.7	1,307	16.4	16.5%	8.8%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.3	2.76%	1.5	13,349	612.3	1,548	14.4	7.0%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.9	-0.24%	1.4	18,315	81.0	2,464	16.6	5.7%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

**DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY**

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		<a href="#">Click</a>
4	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		<a href="#">Click</a>
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		<a href="#">Click</a>
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		<a href="#">Click</a>
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		<a href="#">Click</a>
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		<a href="#">Click</a>
18	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	<a href="#">Click</a>
19	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	<a href="#">Click</a>
20	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	<a href="#">Click</a>
21	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	<a href="#">Click</a>
22	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	<a href="#">Click</a>
23	BSC_Báo cáo ngành điện		x	<a href="#">Click</a>
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		<a href="#">Click</a>
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		<a href="#">Click</a>
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		<a href="#">Click</a>

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

### Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

#### Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu  
Longtt@bsc.com.vn

#### Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu  
Vĩ mô – Thị trường  
Khoabn@bsc.com.vn

#### Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu  
Ngành – Doanh nghiệp  
Buupq@bsc.com.vn

### Nhóm vĩ mô thị trường

#### Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích  
Anhvv@bsc.com.vn

#### Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích  
Tungtt1@bsc.com.vn

#### Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích  
Thaopt1@bsc.com.vn

#### Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích  
Anhng@bsc.com.vn

#### Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích  
Ngocld@bsc.com.vn

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (024) 3935 2722  
Fax: (024) 2220 0669

### Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place  
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM  
Tel: (028) 3821 8885  
Fax: (028) 3821 8879

### Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(024) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(024) 39264 659

### Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn  
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>